

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

BẢNG ĐIỂM HỌC TẬP LỚP K5 - D3

Học kỳ V - Năm học 2016 - 2020

MÔN HỌC : XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ TƯ TƯỞNG

STT	Mã sinh viên	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm quá trình		Điểm thi hết môn 60 %	TB môn (TB 10)	TB môn (TB chữ)	Ghi chú
					Chuyên cần 10%	KT trong kỳ 30%				
1	2016010004	NGUYỄN PHÚ HẢI	ANH	05/06/1998	5.0	8.0	1.0	3.5	F	
2	2016010006	TRẦN THỊ VÂN	ANH	17/06/1998	6.0	8.0	7.0	7.2	B	
3	2016010009	CHÁNG THỊ	CHÂU	01/07/1998	9.0	9.0	8.0	8.4	B+	
4	2016010012	GIÀNG A	CHỰA	16/05/1998	8.0	7.5	0.0	3.1	F	
5	2016010015	BÙI KIÊN	CUỜNG	09/12/1998	7.0	7.5	4.0	5.4	D+	
6	2016010018	VŨ HUY	CUỜNG	15/06/1998	8.0	8.5	7.0	7.6	B	
7	2016010021	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	20/11/1997	7.0	8.0	7.0	7.3	B	
8	2016010027	NGUYỄN VĂN	DŨNG	21/10/1996	7.0	8.0	4.0	5.5	C	
9	2016010030	HOÀNG ÁNH	DƯƠNG	12/10/1997	9.0	8.0	1.0	3.9	F	
10	2016010033	BÀN THỊ	GIANG	15/05/1998	8.0	8.5	1.0	4.0	D	
11	2016010036	NINH HƯƠNG	GIANG	11/05/1998	7.0	8.5	7.0	7.5	B	
12	2016010039	BÙI THỊ HẢI	HẰNG	06/09/1998	6.0	8.0	8.0	7.8	B	
13	2016010042	LÝ THỊ	HÀO	18/10/1997	8.0	8.5	6.0	7.0	B	
14	2016010045	HOÀNG MINH	HIẾU	21/07/1998	9.0	9.0	8.0	8.4	B+	
15	2016010048	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	13/01/1997	9.0	7.5	1.0	3.8	F	
16	2016010051	PHẠM HOÀNG THANH	HOA	06/06/1997	9.0	9.0	5.0	6.6	C+	
17	2016010054	KHOÀNG THỊ	HUỆ	03/01/1998	9.0	8.5	0.0	3.5	F	Đình chỉ
18	2016010057	BẾ THỊ THU	HƯƠNG	21/10/1998	8.0	8.0	0.0	3.2	F	
19	2016010060	PHẠM THỊ BÍCH	HƯƠNG	14/01/1998	9.0	8.0	9.0	8.7	A+	
20	2016010063	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	02/10/1998	9.0	7.5	3.0	5.0	D+	
21	2016010066	LÒ LƯU	HUYỀNH	26/02/1998	5.0	7.5		2.8	F	
22	2016010069	DƯƠNG QUỐC	KHÁNH	19/12/1998	7.0	8.0	6.0	6.7	C+	
23	2016010072	LÝ VĂN	KHOA	18/05/1997	9.0	8.0	8.0	8.1	B+	
24	2016010075	VÀNG THỊ	KIM	21/07/1998	9.0	8.0	7.0	7.5	B	
25	2016010078	TRIỆU THỊ NGỌC	LAN	06/07/1997	8.0	8.0	5.0	6.2	C	
26	2016010081	CAO THỊ	LINH	07/01/1998	8.0	7.5	1.0	3.7	F	
27	2016010084	LÒ THỊ	LINH	14/09/1998	9.0	7.5	0.0	3.2	F	
28	2016010087	NÔNG THỊ DIỆU	LINH	21/09/1998	8.0	8.0	4.0	5.6	C	

STT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình		Điểm thi hết môn 60 %	TB môn (TĐ 10)	TB môn (TĐ chữ)	Ghi chú
				Chuyên cần 10%	KT trong kỳ 30%				
29	2016010090	TRẦN KHÁNH LY	01/01/1998	9.0	8.0	6.0	6.9	C+	
30	2016010093	HOÀNG TIẾN MINH	20/11/1994	8.0	8.0	4.0	5.6	C	
31	2016010099	VƯƠNG THỊ NGÂN	08/03/1998	8.0	8.5	7.0	7.6	B	
32	2016010102	HÀ PHƯƠNG NHÃ	04/08/1998	9.0	7.5	4.0	5.6	C	
33	2016010105	PHẠM THỊ KHÁNH NHƯ	26/01/1998	9.0	9.0	7.0	7.8	B	
34	2016010108	LỤC THỊ OANH	01/08/1997	8.0	8.0	2.0	4.4	D	
35	2016010111	MÃ THỊ HỒNG PHƯƠNG	11/02/1998	6.0	8.5	7.0	7.4	B	
36	2016010114	LÒ THỊ QUỲNH	23/01/1998	9.0	8.0	7.0	7.5	B	
37	2016010117	TRẦN DIỆU QUỲNH	02/06/1998	9.0	8.5	7.0	7.7	B	
38	2016010120	LỮ HÙNG SƠN	20/08/1994	8.0	8.5	5.0	6.4	C	
39	2016010126	BÙI LIÊM THANH	20/11/1997	9.0	7.5	5.0	6.2	C	
40	2016010129	VŨ THỊ THU THẢO	21/11/1997	7.0	7.5	7.0	7.2	B	
41	2016010135	BÙI VŨ ĐOAN TRANG	31/03/1998	8.0	8.0	7.0	7.4	B	
42	2016010141	HOÀNG VĂN TUẤN	07/05/1997	9.0	8.0	7.0	7.5	B	
43	2016010145	LỘC THỊ VÂN	21/01/1998	9.0	8.0	6.0	6.9	C+	
44	2016010148	TẠ VĂN VINH	17/08/1998	9.0	8.0	6.0	6.9	C+	
45	2016010154	ĐẶNG MAI YÊN	01/09/1998	8.0	8.5	5.0	6.4	C	

PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ, SINH VIÊN

GIẢNG VIÊN